TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2021/QĐST-HNGĐ	*Hương Thủy, ngày 18 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Như Y, sinh năm 19... Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Trần Quang K, sinh năm 19…. Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Huỳnh Thị Như Y và anh Trần Quang K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Như Y và anh Trần Quang K công nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày ….2015. Chị Y và anh K thỏa thuận giao cháu T cho chị Y chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng: Anh Trần Quang K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Quang K có quyền đi lại, thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Như Y và anh Trần Quang K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Như Y và anh Trần Quang K thỏa thuận chị Y chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng. Tổng cộng chị Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001163 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị Y đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
(ĐKKH ngày 11/5/2015);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.